

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân

Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T Q, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần T T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần T T kết hôn với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bạc Liêu. Nguyên nhân mâu thuẫn là thường xuyên cự cãi, bất đồng trong quan điểm sống, ông Trần không chăm lo cho cuộc sống của gia đình, không lo làm ăn, có hành vi bạo lực và ghen tuông vô cớ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn N Q, sinh ngày 29/6/2016, hiện đang sống cùng với mẹ. Khi ly hôn, bà Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần T T: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T Q và ông Trần T T kết hôn với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bạc Liêu. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Q xác định nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường cự cãi, ông T hay ghen tuông vô cớ, có hành vi bạo lực với vợ, không lo làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống của gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được nên hiện nay vợ chồng đã ly thân với nhau. Bà Q khẳng định tình cảm vợ chồng của bà đối với ông T không còn nên đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin được ly hôn với ông T. Đối với ông Trần T T, Tòa án đã thông báo cho ông T biết yêu cầu khởi kiện của bà Q nhưng ông T không ý kiến gì và cũng không có văn bản gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T Q được ly hôn với ông Trần T T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn N Q, sinh ngày 29/6/2016, hiện đang sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị T Q, đã ổn định về cuộc sống. Do đó, việc giao con chung cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 và 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T Q được ly hôn với ông Trần T T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn N Q, sinh ngày 29/6/2016 cho bà Nguyễn Thị T Q tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T Q phải chịu 300.000 đồng. Ngày 12/5/2023 bà Q đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0003370 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Tân Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang

